

Số: 201/TB-UBND

Cái Nhum, ngày 17 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026
trình Hội đồng nhân dân xã**

Căn cứ Quyết định số 2303/QĐ-UBND, ngày 17 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Cái Nhum về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trình Hội đồng nhân dân xã Cái Nhum.

Ủy ban nhân dân xã Cái Nhum thông báo niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trình Hội đồng nhân dân xã tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trang thông tin điện tử xã Cái Nhum (<https://vinhlong.gov.vn/xacainhum/>) để cán bộ, công chức, các tổ chức chính trị - xã hội theo dõi và biết.

Trên đây là Thông báo niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trình HĐND xã./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Trưởng các phòng chuyên môn thuộc xã;
- Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội;
- TTDVSNC;
- Trưởng 23 ấp;
- Lưu: VT.



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Thế Lữ

Số: 2303/QĐ-UBND

Cái Nhum, ngày 17 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026
trình Hội đồng nhân dân xã Cái Nhum**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CÁI NHUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 272/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2026; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh và số bổ sung cho ngân sách cấp dưới năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế xã Cái Nhum xã tại Tờ trình số 821/TTr-PKT ngày 17 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trình Hội đồng nhân dân xã Cái Nhum.

(Có biểu số 103, 104, 105, 106/CKTC-NSNN đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- UBNDTTQVN xã;
- Trưởng các phòng chuyên môn thuộc xã;
- Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội;
- TTDVSNC;
- Trưởng 23 ấp;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Thế Lữ



Biểu số 103/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình HĐND)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2303/QĐ-UBND, ngày 17/12/2025 của UBND xã Cái Nhum)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	149,920,000	TỔNG SỐ CHI	149,920,000
I.Các khoản thu xã hưởng 100%	3,155,000	I.Chi đầu tư phát triển	7,850,000
II.Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2,923,000	II.Chi thường xuyên	118,936,000
III.Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	143,392,000	III.Dự phòng	2,468,000
- Thu bổ sung cân đối	90,770,000	IV. Tiết kiệm 10% CCTL	1,425,000
-Bổ sung thực hiện CCTL 2,34tr/tháng	28,981,000	V. Chi các chương trình mục tiêu	19,241,000
- Thu bổ sung mục tiêu vốn sự nghiệp dự toán đầu năm	19,241,000		
- Bổ sung từ nguồn vốn chương trình MTQG	4,400,000		
IV.Thu kết dư	450,000		
V.Thu chuyển nguồn			



Biểu biểu số 104/CKTC - NSNN

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình HĐND)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2303/QĐ-UBND, ngày 17/12/2025 của UBND xã Cai Nhum)

Đơn vị: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự Toán 2026		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng số thu	209.289.733	184.383.623	162.442.000	149.920.000	77.62	81.31
I	Các khoản thu 100%	5.889.013	3.105.884	3.265.000	3.155.000	55.44	101.58
	- Phí, lệ phí	506.583	202.673	450.000	360.000	88.83	177.63
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo QĐ						
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	893.295	893.295				
	- Thuế sử dụng đất PNN	178.056	154.073	320.000	320.000	179.72	207.69
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	3.932.872	1.477.636	2.145.000	2.145.000	54.54	145.16
	- Thu khác	339.732	339.732	330.000	330.000	97.14	97.14
	- Thu phạt ATGT	38.475	38.475	20.000		51.98	-
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	24.610.407	2.487.426	15.335.000	2.923.000	62.31	117.51
1	Các khoản thu phân chia	416.660	147.905	0	0	-	-
	- Thuế sử dụng đất PNN						
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	416.660	147.905			-	-
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
	- Phí bảo vệ môi trường						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
	- Thuế đất ở, đất khác						
2	Các khoản thu phân chia khác do Tỉnh quy định	24.193.747	2.339.521	15.335.000	2.923.000	63.38	124.94
	- Thuế GTGT	7.131.219	1.303.244	10.216.000	1.916.000	143.26	147.02
	- Thuế TNDN	1.314.666	211.788	2.384.000	460.000	181.34	217.20
	- Thuế thu nhập cá nhân	4.570.968	747.040	2.730.000	546.000	59.72	73.09
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	409.092	1.000	5.000	1.000	1.22	100.00
	- Thuế tài nguyên	150.000					
	- Tiền thuê mặt đất, thuê mặt nước	84.300					
	- Thu tiền sử dụng đất	9.368.113					
	- Thu khác thuế	522.748	0		0		
	- Các khoản thu khác	642.641	76.449				
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	585.455	585.455				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	1.687.917	1.687.917	450.000	450.000		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	176.516.941	176.516.941	138.992.000	138.992.000	78.74	78.74
	- Bổ sung cân đối ngân sách	77.945.478	77.945.478	90.770.000	90.770.000	116.45	116.45
	- Bổ sung thực hiện CCTL 1,8tr/tháng	34.298.000	34.298.000	28.981.000	28.981.000	84.50	84.50
	- Bổ sung có mục tiêu	64.273.463	64.273.463	19.241.000	19.241.000	29.94	29.94
VII	Thu bổ sung từ nguồn vốn CT mục tiêu Quốc gia			4.400.000	4.400.000		



Biểu số 105/CKTC - NSNN

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình HĐND)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2303/QĐ-UBND, ngày 17/12/2025 của UBND xã Cai Nhum)

Đơn vị: 1000 đồng

Stt	Nội dung	Dự toán 2025			Dự toán 2026			So sánh		
		Tổng số	ĐT PT	TX	Tổng số	ĐT PT	TX	Tổng số	ĐT PT	TX
	1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
	Tổng số chi	114,544,000	941,000	113,603,000	149,920,000	7,850,000	142,070,000	130.9	834.2	125.1
I	Chi thường xuyên	113,750,000	941,000	112,809,000	126,786,000	7,850,000	118,936,000	111.5	834.2	105.4
1	Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự ATXH	5,309,000	0	5,309,000	6,115,000	0	6,115,000	115.2		115.2
	- Chi dân quân tự vệ	3,181,000		3,181,000	2,250,000		2,250,000	70.7		70.7
	- Chi trật tự ATXH	2,128,000		2,128,000	3,865,000		3,865,000	181.6		181.6
2	Chi Giáo dục - Đào tạo	77,629,000		77,629,000	76,417,000		76,417,000	181.6		181.6
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4	Chi y tế	60,000		60,000	50,000		50,000	83.3		83.3
5	Chi VH TT	2,768,000		2,768,000	1,863,000		1,863,000	67.3		67.3
6	Chi phát thanh, truyền thanh	1,328,438		1,328,438	770,000		770,000	58.0		58.0
7	Chi thể dục, thể thao	849,000		849,000	1,011,000		1,011,000	119.1		119.1
8	Chi bảo vệ môi trường	30,000		30,000	815,000		815,000	2716.7		2716.7
9	Chi các hoạt động kinh tế	1,360,000		1,360,000	3,316,000	0	3,316,000	243.8		243.8
	- Giao thông				663,000		663,000			
	- Nông- lâm- thủy lợi- hai sản	0		0	925,000		925,000			
	- Thị chính	390,000		390,000	1,708,000		1,708,000	437.9		437.9
	- Thương mại, du lịch									
	- Các hoạt động kinh tế khác	970,000		970,000	20,000		20,000	2.1		2.1
	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể:	23,578,562	941,000	22,637,562	35,514,000	7,850,000	27,664,000	150.6	834.2	122.2
	Trong đó: quỹ lương									
1	Văn phòng Đảng ủy xã	3,570,806		3,570,806	6,226,000		6,226,000	174.4		174.4
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã	2,749,023		2,749,023	2,646,000		2,646,000	96.3		96.3
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	15,964,733	941,000	15,023,733	17,790,000		17,790,000	111.4		118.4
4	Trung tâm chính trị	1,294,000		1,294,000	745,000		745,000			
4	Phòng Kinh tế				7,911,000	7,850,000	61,000			
5	Phòng Văn hóa xã hội				66,000		66,000			
6	Trung tâm hành chính công				130,000		130,000			
7	Trung tâm Dịch vụ SN Công									
8	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo									
11	Chi cho công tác xã hội	478,000		478,000	443,000		443,000	92.7		92.7
12	Chi khác	360,000		360,000	472,000		472,000	131.1		131.1
II	Dự phòng	509,000		509,000	2,468,000		2,468,000	484.9		484.9
III	Tạo nguồn CCTL Tiết kiệm 10% thường xuyên	285,000		285,000	1,425,000		1,425,000	500.0		500.0
IV	Chi các chương trình mục tiêu , nhiệm vụ				19,241,000		19,241,000			
1	Kinh phí thực hiện chính sách ASXH				18,096,000		18,096,000			
	Phòng Văn hóa xã hội									
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				2,499,000		2,499,000			
1.2	Chi y tế, dân số và gia đình				2,238,000		2,238,000			
1.3	Chi bảo đảm xã hội				13,359,000		13,359,000			
2	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa				1,145,000		1,145,000			
	Phòng Kinh tế									
2.1	Chi SN nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				1,145,000		1,145,000			

ĐỦ TOÀN CHỈ ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Dự toán trình HĐND)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2303/QĐ-UBND, ngày 17/12/2025 của UBND xã Cai Nhum)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công- hoàn thành	Tổng số	Trong đó		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Tổng số	Trong đó thanh toán khởi lượng	Dự toán năm 2026		
				Nguồn cấp trên bổ sung	Nguồn huy động đóng góp					Chi theo nguồn vốn		
										Nguồn cấp trên bổ sung	Nguồn ngân sách xã	Nguồn huy động đóng góp
A	TỔNG CỘNG	I	8,600,000	8,100,000	500,000	-	-	7,850,000	-	7,400,000	-	450,000
A	NGUỒN VỐN PHÂN CẤP THEO TIÊU CHÍ ĐỊNH MỨC		3,350,000	3,350,000	-	-	-	3,000,000	-	3,000,000	-	-
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		950,000	950,000	-	-	-	750,000	-	750,000	-	-
1	Đường từ cầu Bò Sao – giáp xã An Phước	2026	450,000	450,000	-	-	-	400,000	-	400,000	-	-
2	Đường Kênh Xáng	2026	500,000	500,000	-	-	-	350,000	-	350,000	-	-
II	LĨNH VỰC KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH		2,400,000	2,400,000	-	-	-	2,250,000	-	2,250,000	-	-
1	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng Đường huyện 33 (đoạn từ cầu Rạch Đoi đến Đường tỉnh 902)	2026	2,400,000	2,400,000	-	-	-	2,250,000	-	2,250,000	-	-
B	VỐN CHUÔNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		4,750,000	4,750,000	-	-	-	4,400,000	-	4,400,000	-	-
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		4,100,000	4,100,000	-	-	-	3,800,000	-	3,800,000	-	-
1	Đường dân Khóm 4 (từ DT 903 đến cầu Chín Biều)	2026	1,700,000	1,700,000	-	-	-	1,500,000	-	1,500,000	-	-
2	Duy tu, sửa chữa đường huyện 33 (Hương lộ 8 – Chánh An)	2026	2,400,000	2,400,000	-	-	-	2,300,000	-	2,300,000	-	-
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO		650,000	650,000	-	-	-	600,000	-	600,000	-	-
1	Xây dựng, sửa chữa các trường tiểu học tại xã Cai Nhum	2026	650,000	650,000	-	-	-	600,000	-	600,000	-	-
C	NGUỒN KẾT DƯ VỐN HUY ĐỘNG GTNT		500,000	-	500,000	-	-	450,000	-	-	-	450,000
1	Đường dân GTNT ấp Hoà Phú (đoạn từ giáp ấp Phước Thuỷ đến Lê Văn Triều)	2026	500,000	-	500,000	-	-	450,000	-	-	-	450,000